

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 87/CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570 Fax: 0262 3811766

E-mail: office@trungnguyenlegend.com

Mã số doanh nghiệp: 6000429946

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY NHUYỄN E009

2. Thành phần: Cà phê Robusta (50 %), cà phê hòa tan (50 %).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

+ Thùng: 15 kg.

+ Túi sản phẩm (bên trong Thùng): 15 kg.

- Chất liệu bao bì:

+ Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì PE, có chất liệu phù hợp an toàn thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm.

+ Sau đó, cho vào bao bì thùng giấy (có in thông tin ghi nhãn sản phẩm theo quy định).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên – Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn.

Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).✓



Handwritten signature

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư các Bộ, ngành:

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 và Thông tư số 08/2024/TT-BYT ngày 24/05/2024 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./. ✓✓

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN





CÀ PHÊ RANG XAY NHUỖN E009

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 15 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (50 %), cà phê hòa tan (50 %).

THÔNG TIN CẢNH BẢO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Bột cà phê rang xay nhuyển có thể lắng dưới đáy lọ và an toàn khi sử dụng.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 2 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo,...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Địa chỉ: Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766

Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN

- NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

Lô A, Đường NA7, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố

Hố Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Đầu tư Trung Nguyên.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

Mã số lô:

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

5900105



Phó Giám Đốc Marketing

Võ Thị Bình



॥३॥

khối lượng: 15 kg

SAN PHAM CUA CONG TY CO PHAN CA PHU TRUNG NGUYEN

Dele tlozi: 0202 350110 - Fax: 0202 381700

[illegible]

- NHỮNG CÁI PHẢI SẴN GỒN

115 Chu Minh, Viet Nam.

Start each new day of life in a new cell trying to learn a

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

三

Ngày soạn xuất:

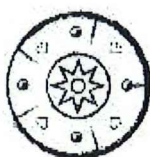
Illegitimi sunt:

一、二、三、四、五、六、七、八、九、十、十一、十二、十三、十四、十五、十六、十七、十八、十九、二十、二十一、二十二、二十三、二十四、二十五、二十六、二十七、二十八、二十九、三十、三十一、三十二、三十三、三十四、三十五、三十六、三十七、三十八、三十九、四十、四十一、四十二、四十三、四十四、四十五、四十六、四十七、四十八、四十九、五十、五十一、五十二、五十三、五十四、五十五、五十六、五十七、五十八、五十九、六十、六十一、六十二、六十三、六十四、六十五、六十六、六十七、六十八、六十九、七十、七十一、七十二、七十三、七十四、七十五、七十六、七十七、七十八、七十九、八十、八十一、八十二、八十三、八十四、八十五、八十六、八十七、八十八、八十九、九十、九十一、九十二、九十三、九十四、九十五、九十六、九十七、九十八、九十九、一百。

10

ĐANG T
Ồ PHẢI
Á PH

(105)



TRUNG NGUYỄN LEGEND
TẬP ĐOÀN CHUYỀN CÀ PHÊ PHÂN TẬP ĐOÀN - CÀ PHÊ LẮC BẮC

3

SỐ LỚP CHẤT TỐI ĐA: 3 LỚP

CÀ PHÊ RANG XAY NHUỖN E009

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 15 kg

THÀNH PHẦN:

Cà phê Robusta (50 %), cà phê hòa tan (50 %).

THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN:

- Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.
- Bụi cà phê rang xay nhuộm có thể lắng dưới đáy ly và an toàn khi sử dụng.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:

- Độ ẩm $\leq$ 5 %
- Hàm lượng caffeine $\geq$ 2 %

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng làm nguyên liệu cho cà phê hòa tan, sữa, kem, sô cô la, bánh kẹo,...

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Địa chỉ: Số 268 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Điện thoại: 0262 3865116 - Fax: 0262 3811766

Website: www.trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN

- NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN

Lô A, Đường NA7, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp của công ty CP Dầu tư Trung Nguyễn.

XUẤT XỨ: Việt Nam.

Mã số lô:

- Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

5900105



8 935024 189528





Report N°: 0001400940

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2026

JOB NO.: 2603A-02251

Đơn hàng: 2603A-02251

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

CLIENT'S ADDRESS : 268 NGUYEN TAT THANH STREET, TAN LAP WARD, DAK LAK PROVINCE,
Địa chỉ : VIETNAM
SỐ 268 ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : CÀ PHÊ RANG XAY NHUYỄN E009
Chú thích của khách hàng : MICROGROUND COFFEE E009
Nhà máy sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
Manufactured by: BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
Địa chỉ: Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Sampling date : 09/03/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Instant coffee (approx. gr. wt. 0.9kg) in the aluminium container
Mô tả mẫu : Cà phê hòa tan (khoảng 0.9kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhôm

Sample ID : 2603A-02251.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 11, 2026
Ngày nhận mẫu : 11/03/2026

Testing period : March 11, 2026 - March 23, 2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 23/03/2026

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001400940

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance	:	Dry powder
Trạng thái	:	Mẫu dạng bột khô
Color	:	Characteristic brown color of product
Màu	:	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
Odor	:	Characteristic odor of product, no strange odor
Mùi	:	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
Taste	:	Characteristic taste of product
Vị	:	Vị đặc trưng của sản phẩm
Solubility in hot water	:	Solubility in hot water (in 30 seconds with moderate stirring), there's finely ground coffee powder that settles to the bottom of the cup
Độ tan trong nước nóng	:	Tan trong nước nóng (trong 30 giây có khuấy), có bột cà phê xay nhuyễn lắng dưới đáy ly
Solubility in cold water	:	Solubility in cold water (in 3 minutes with moderate stirring), there's finely ground coffee powder that settles to the bottom of the cup
Tan trong nước lạnh	:	Tan trong nước lạnh (trong 3 phút có khuấy), có bột cà phê xay nhuyễn lắng dưới đáy ly

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
2. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	
3. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 15213-2:2023 ^(a)	<10	-	10	cfu/g	
4. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015 ^(a)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	-	cfu/g	
5. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1.5	-	cfu/25g	
6. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
7. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-2:2008	3.5x10 ⁴	-	10	cfu/g	
8. Soybean (soy) content <i>Hàm lượng đậu nành</i>	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(a)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	2.6	6.4	mg/kg	
9. Soybean (soy) protein content <i>Hàm lượng protein đậu nành</i>	LFOD-TST-SOP-8989 (ELISA Method) ^(a)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	2.5	mg/kg	
10. Moisture (vacuum oven method, 70°C) <i>Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)</i>	ISO 3726:1983	3.21	0.08	0.28	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.

Report N°: 0001400940

Page N° 3/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
11. Total ash Tro tổng	TCVN 5253:1990	5.38	0.03	0.1	g/100g	
12. Acid insoluble ash Tro không tan trong axit	TCVN 5253:1990	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
13. Total glucose (on dried basis) Tổng glucose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.713	0.03	0.1	g/100g	
14. Total xylose (on dried basis) Tổng xylose (trên nền khô)	ISO 11292:1995	0.187	0.03	0.1	g/100g	
15. pH value (1.2% solution) Giá trị pH (dung dịch 1.2%)	DIN 10776-2:2016-07	5.38	-	-	-	
16. Caffeine Cafein	ISO 20481:2008	3.06	0.0003	0.001	g/100g	
17. Ochratoxin A Ochratoxin A	LFOD-TST-SOP-8434	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
18. Acrylamide Acrylamide	ISO 18862:2016	437	20	60	µg/kg	
19. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	0.019	0.005	0.01	mg/kg	
20. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
21. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
22. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
23. Tin (Sn) Thiếc	AOAC 2015.06	Not Detected Không phát hiện	0.025	0.05	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001400940

Page N° 4/5

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- (i) With the samples containing the high inhibitory substances (such as Cassia/Cinnamon, instant coffee, Lemon powder, Mustard seed/flour, Oregano, tea, chilli powder, curry powder,..., and cosmetic or personal care products: soap, toothpaste, washing liquid, mascara,...), the initial dilution was 1 in 100 to reduce the antimicrobial activity.

(i) Với mẫu chứa chất ức chế cao (như Quế, cà phê hòa tan, bột Chanh, Mù tạt, Kinh giới cay, trà, bột ớt, bột cà ri,..., và các sản phẩm mỹ phẩm hoặc các sản phẩm chăm sóc cá nhân: xà phòng, kem đánh răng, nước giặt, mascara,...), pha loãng ban đầu là 1 trong 100 để giảm hoạt tính kháng khuẩn.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Protein content = food content x conversion factor, where the conversion factors were: 0.23 (almond), 0.11 (buckwheat), 0.18 (cashew), 0.033 (coconut), 0.17 (crustacean), 0.48 (egg), 0.16 (fish), 0.15 (hazelnut), 0.36 (lupin), 0.13 (macadamia), 0.42 (mustard), 0.22 (peanut), 0.2 (pistachio), 0.21 (sesame), 0.39 (soybean), and 0.15 (walnut).

Wheat protein content = gluten content x (1/0.85)

Hàm lượng protein = hàm lượng thực phẩm x hệ số chuyển đổi, trong đó hệ số chuyển đổi là: 0.23 (hạnh nhân), 0.11 (kiểu mạch), 0.18 (hạt điều), 0.033 (dừa), 0.17 (giáp xác), 0.48 (trứng), 0.16 (cá), 0.15 (hạt phỉ), 0.36 (lupin), 0.13 (hạt mắc ca), 0.42 (mù tạt), 0.22 (đậu phộng), 0.2 (hạt dẻ cười), 0.21 (hạt mè), 0.39 (đậu nành), và 0.15 (hạt óc chó).

Hàm lượng protein lúa mì = hàm lượng gluten x (1/0.85)

- The sensory of brewed coffee test was performed on the liquor prepared by following TCVN 12459:2018 method: Weigh approximately 2.5 g of instant coffee, add 150 mL of boiling water.

Phép thử cảm quan mẫu cà phê pha được thực hiện trên dung dịch pha theo phương pháp TCVN 12459:2018 như sau: Cân khoảng 2.5 g cà phê hòa tan, thêm 150 mL nước sôi.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001400940

Page N° 5/5

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0001400601 Date 09-April-2026 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0001400601 Ngày 09-04-2026 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Vũ Đình Nhì
Trưởng Bộ phận Thủ nghiệm
Dư lượng Thuốc Bảo vệ Thực vật



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

WON: FST260306018-4
Date/ Ngày: 06-Mar-2026

Testing Report / Phiếu kết quả thử nghiệm

Client's name (Tên khách hàng) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION
 268 Nguyen Tat Thanh Street, Tan Lap Ward, Daklak Province, Vietnam.
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN
 Số 268 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
 Manufactured by/Nhà máy sản xuất:
 BRANCH OF TRUNG NGUYEN GROUP CORPORATION – SAI GON COFFEE FACTORY
 Lot A, NA7 Street, My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 CHI NHÁNH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYÊN - NHÀ MÁY CÀ PHÊ SÀI GÒN
 Lô A, Đường NA7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Name of sample provided by client (Tên mẫu được khách hàng cung cấp) : CÀ PHÊ HẠT RANG/ ROASTED COFFEE BEAN
 Sample description (Mô tả mẫu) : NSX/MFD: 03.03.2026
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa
 : Sample was submitted by client/
 Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (Ngày nhận mẫu) : 03-Mar-2026
 Date of testing (Ngày thử nghiệm) : 04-Mar-2026

Testing Results / Kết quả thử nghiệm

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Method / Phương pháp
1	Cyproconazole	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.01	FST- WI06 chapter 40 (2025) (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662:2018) (GC-MS/MS)

Note/ Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection/ Giới hạn phát hiện.
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
 Director/ Giám đốc



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
 Email: cs.cantho@intertek.com
 Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Effective date: 04/11/2025